

22/07/2016

**TỔNG
QUAN**
Index
VN-Index
649.87

-9.7 (-1.47%)

VN30-Index
634.34

-8.82 (-1.37%)

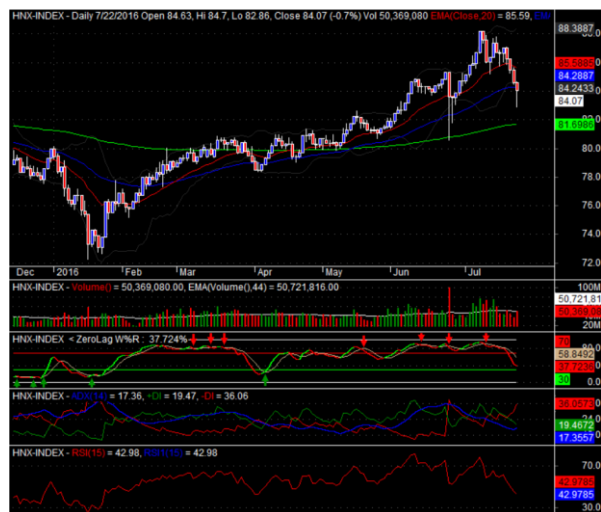
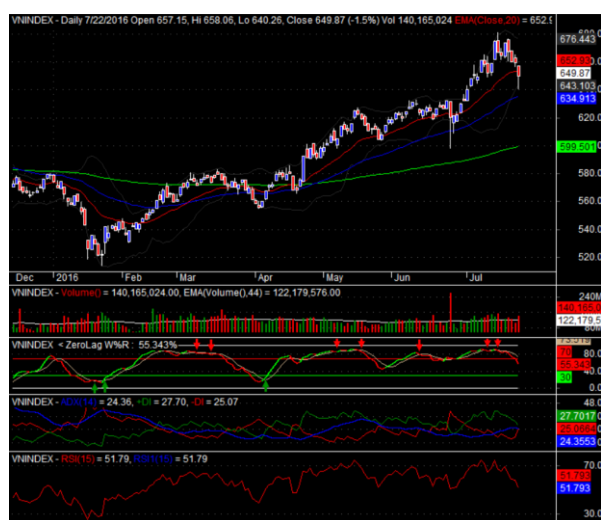
HNX-Index
84.07

-0.56 (-0.66%)

HNX30-Index
152.58

-0.72 (-0.47%)

Điểm nhấn trong ngày



Thị trường phiên cuối tuần với không khí giao dịch khá bi quan ngay từ lúc mở cửa. Các thông tin quốc tế không còn tác động nhiều đến thị trường trong khi báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng của các doanh nghiệp cũng không phản ánh tích cực vào giá lẫn khi xu hướng chung vẫn là giảm điểm. Ở nhóm blue chip VCB và GAS giảm sát giá sàn do lượng cổ phiếu khối ngoại đổ ra bán rất lớn. Việc hai trụ lớn rơi mạnh đã tạo sức ép lên Vnindex gây hoang mang và tạo hiệu ứng bán ra trên diện rộng ở các cổ phiếu khác. Có thời điểm Vnindex đã rơi hơn 20 điểm nhưng sau đó đã phục hồi đáng kể và dù đóng cửa giảm 9.7 điểm vẫn cao nhiều hơn mức thấp nhất trong ngày.

Tuy nhiên với một số cổ phiếu có nền tảng cơ bản tăng trưởng và hoạt động hiệu quả thì giá không giảm nhiều lắm như FPT, SKG, VNM, FCN, CTG, CII, MWG ...

Thanh khoản nhìn chung hôm nay gia tăng khá đáng kể do một phần giao dịch tăng mạnh từ khối ngoại và một phần quan trọng là từ sự dao động với biên độ khá lớn của Vnindex. Hôm nay cho thấy lực cầu bắt đáy là khá lớn khi nhà đầu tư kỳ vọng vào ngưỡng hỗ trợ 650 hiện tại. Về tín hiệu kỹ thuật, xu hướng điều chỉnh của thị trường có thể vẫn mới bắt đầu và cần một vài tuần để kiểm định lại mốc hiện tại liệu có thể đứng vững hay không. Về các trị số định giá thì PE thị trường vẫn quanh mức 13.4-13.6 và sau khi cập nhật kết quả quý 2 thì giá trị thị trường sẽ có sự khác biệt. Với việc các nhóm cổ phiếu ngân hàng và nhiều blue chip có kết quả lợi nhuận khả quan 6 tháng đầu năm, khả năng thị trường sẽ vẫn duy trì xu hướng tăng trưởng. Vì vậy chúng tôi vẫn giữ quan điểm thị trường sẽ chỉ điều chỉnh ở mức tương đối chứ không giảm trung hạn.

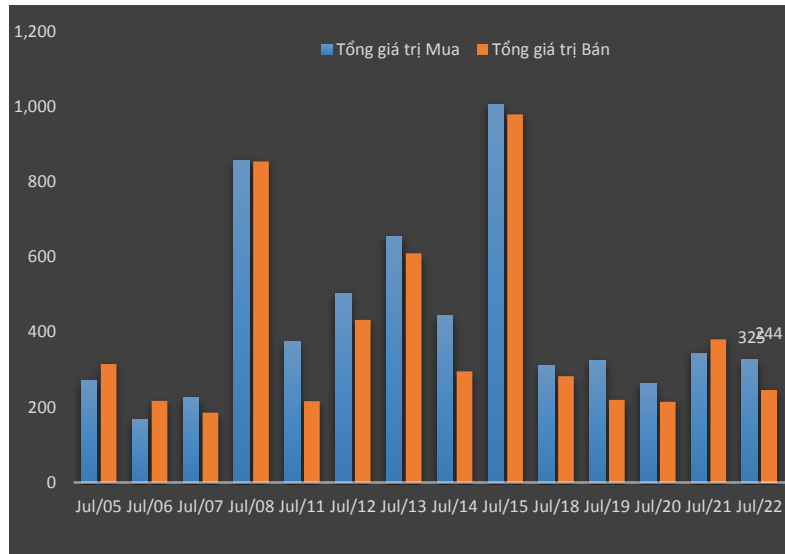
Tổng hợp PE thị trường và PE top cổ phiếu vốn hóa lớn nhất sàn HOSE

PE trung bình	13.5	12.9	12.1	13.47	14.1
Vnindex	665	555	522	638	640
PE Top BigCap	18.49	15.46	13.30	15.70	15.50

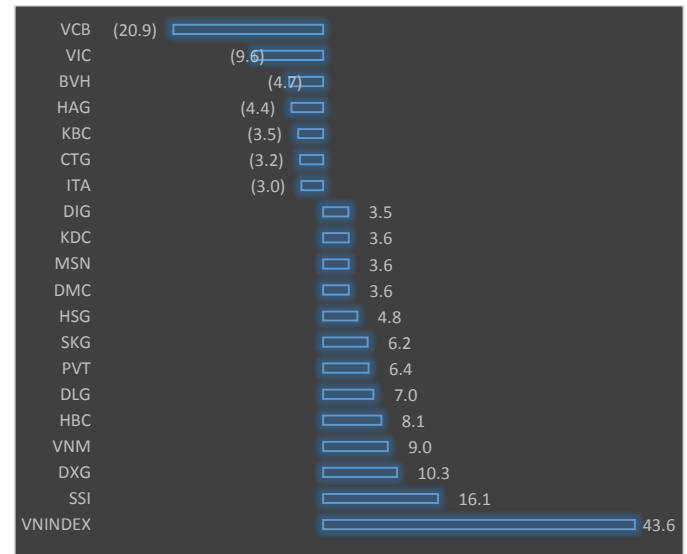
Mã CK	Phân ngành - ICB Cấp: 4	Vốn hóa thị trường Đơn vị: Tỷ VND	P/E 2016- 07-15	P/E 2016- 04-04	P/E 2016- 01-21	P/E 2015- 07-15	P/E 2014- 09-03
VNM	Thực phẩm	176,420.49	21.07	20.69	18.30	18.92	18.29
VCB	Ngân hàng	143,911.10	23.91	20.51	19.76	29.89	16.40
GAS	Phân phối xăng dầu & khí đốt	122,454.28	16.70	8.98	4.63	8.74	20.47
VIC	Bất động sản	117,351.30	74.70	71.60	66.42	32.39	18.29
CTG	Ngân hàng	69,627.67	10.93	10.78	10.36	14.07	9.71
BID	Ngân hàng	63,246.23	9.93	8.85	7.91	14.11	10.25
MSN	Thực phẩm	51,035.11	29.10	35.09	26.79	59.59	na
BVH	Bảo hiểm nhân thọ	42,529.46	37.05	29.74	25.07	33.97	25.78
HPG	Thép và sản phẩm thép	29,753.93	7.71	6.14	5.49	7.12	10.24
MBB	Ngân hàng	25,283.32	8.53	7.40	6.23	7.56	7.04
STB	Ngân hàng	21,463.48	28.46	13.47	7.70	9.80	8.08
FPT	Phần mềm	19,568.07	10.52	9.62	10.35	10.86	12.30
MWG	Phân phối hàng chuyên dụng	20,086.93	15.41	9.78	10.39	13.61	32.74
HT1	Vật liệu xây dựng & Nội thất	9,951.90	15.71	10.55	10.99	12.39	327.22
DPM	Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất	11,544.36	7.94	7.35	7.79	10.28	9.90
SSI	Môi giới chứng khoán	11,280.78	12.63	11.79	12.96	17.58	17.11
PVD	Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	10,093.46	8.28	4.69	3.16	7.24	12.40
NT2	Sản xuất & Phân phối Điện	9,742.76	10.18	7.63	6.29	4.25	-0.44
CTD	Xây dựng	9,966.46	11.26	11.77	11.99	9.76	9.23
HSG	Thép và sản phẩm thép	8,235.02	8.02	6.21	5.05	8.70	13.41
DHG	Dược phẩm	8,042.13	12.78	12.57	10.07	12.32	13.46
PNJ	Hàng cá nhân	6,879.17	42.36	30.97	19.32	14.05	10.94
KBC	Bất động sản	7,891.97	13.96	9.59	9.65	13.27	24.74
BMP	Vật liệu xây dựng & Nội thất	7,549.43	12.79	12.62	10.83	9.06	8.89
CII	Xây dựng	7,075.69	12.20	8.11	4.74	12.45	22.14

Giao dịch khối ngoại

Tổng giá trị giao dịch hàng ngày



Top Giá trị CP mua bán ròng trong ngày (tỷ VND)



Khối ngoại mua vào 11.5 triệu và bán ra 7.2 triệu cổ phiếu ở cả hai sàn. Giá trị mua ròng khoảng 80 tỷ đồng. Có hai giao dịch mua bán ròng lớn là khối ngoại bán ròng gần 21 tỷ đồng VCB và mua ròng vào 16 tỷ SSI. Một số giao dịch mua ròng nhiều đáng chú ý có DXG, VNM, HBC, DLG, PVT và SKG. Ở phía bán ròng, ngoài VCB khối ngoại bán mạnh nhóm blue chip như BVH, VIC, HAG, KBC.

Tuần này khối ngoại giao dịch có vẻ chậm lại và vẫn mua ròng khoảng hơn 200 tỷ đồng tương ứng khoảng 4 triệu cổ phiếu.

Tin doanh nghiệp
Thép Nam Kim: Quý 2 lãi đột biến 236 tỷ đồng, gấp 5 cùng kỳ năm trước, 6 tháng hoàn thành kế hoạch cả năm

Mức lãi của NKG trong quý 2/2016 là mức lãi đột biến cao nhất trong lịch sử kể từ khi NKG lên sàn (cao nhất trong 7 năm trở lại đây). Năm 2016 NKG đặt kế hoạch lãi sau thuế 300-350 tỷ đồng, với kết quả này NKG đã đạt kế hoạch cả năm chỉ trong 6 tháng.

Cùng với xu hướng tăng trưởng lợi nhuận của nhóm ngành thép nhờ biện pháp bảo hộ thuế tự vệ của Bộ Công thương, CTCP Thép Nam Kim công bố kết quả kinh doanh quý 2/2016 gấp 5 lần cùng kỳ năm trước.

Doanh thu quý 2/2016 của Thép Nam Kim đạt gần 2.180 tỷ đồng, tăng 65% cùng kỳ 2015, lũy kế 6 tháng đạt gần 3.976 tỷ, tăng 59% cùng kỳ năm trước trong đó doanh thu nội địa là 59%, xuất khẩu 40,6%.

Biên lợi nhuận gộp của NKG tăng gấp đôi cùng kỳ 2015, đạt 16,4% trong quý 2 và 12,5% trong nửa đầu năm 2016.

Mặc dù chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của NKG tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước nhưng nhờ cải thiện biên lợi nhuận và doanh thu tài chính tăng, nên lợi nhuận trước thuế quý 2/2016 của NKG đạt 281 tỷ đồng, gấp 5 lần quý 2 năm trước; lũy kế 6 tháng đạt 359 tỷ đồng, tăng 332% cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận sau thuế quý 2/2016 của NKG đạt 236 tỷ đồng, gấp 5,2 lần cùng kỳ năm trước; lũy kế 6 tháng đạt 302 tỷ đồng, tăng 362% cùng kỳ năm trước.

EPS 6 tháng của NKG đạt 6.638 đồng/cp.

Chỉ tiêu	Quý 2			6 tháng		
	2016	2015	So sánh	2016	2015	So sánh
Doanh thu bán hàng	2,176.27	1,322.22	65%	3,975.88	2,499.87	59%
Lợi nhuận gộp	356.41	116.13	207%	495.88	185.67	167%
Biên lợi nhuận gộp	16.4%	8.8%		12.5%	7.4%	
Doanh thu tài chính	28.16	4.3	555%	56.82	7.11	699%
Chi phí tài chính	59.67	44.37	34%	108.84	66.43	64%
Chi phí bán hàng	30.44	14.15	115%	59.63	34.02	75%
Chi phí quản lý DN	12.56	10.58	19%	25.98	19.71	32%
Lợi nhuận khác	-0.79	5.46	-114%	1.07	10.56	-90%
LNTT	281.11	56.78	395%	359.31	83.17	332%
LNST	236.73	45.03	426%	302.62	65.48	362%

Mức lãi của NKG trong quý 2/2016 là mức lãi đột biến cao nhất trong lịch sử kể từ khi NKG lên sàn (cao nhất trong 7 năm trở lại đây). Năm 2016 NKG đặt kế hoạch lãi sau thuế 300-350 tỷ đồng, với kết quả này NKG đã đạt kế hoạch cả năm chỉ trong 6 tháng.

Theo giải trình của NKG, doanh thu của công ty tăng mạnh do công ty đã đẩy mạnh thị trường, thị phần xuất khẩu sản phẩm hàng hóa đến thị trường các nước, đến nay đã ổn định và kết quả doanh thu đạt giá trị cao, song song đó Nam Kim tiếp tục nâng thị phần trong nước của doanh nghiệp theo từng khu vực địa lý dẫn đến doanh thu tăng, lợi nhuận tăng.

Thép Nam Kim hiện vẫn đang xây dựng Nhà máy Nam kim 3 tại khu công nghiệp Đồng An 2 với dây chuyền tẩy rửa 450.000 tấn/năm, dây chuyền cán nguội 450.000 tấn/năm, dây chuyền mạ kẽm dày 350.000 tấn/năm, dây chuyền mạ màu 120.000 tấn/năm. Tổng vốn đầu tư đăng ký dự án này là 2.330 tỷ đồng, hiện công ty đã hạch toán 920 tỷ vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Một số doanh nghiệp ngành thép công bố kết quả kinh doanh khả quan như HSG quý này lãi sau thuế 395 tỷ tăng 77% cùng kỳ năm trước, SMC lãi 170 tỷ đồng.

NTP (mẹ): Lợi nhuận quý II/2016 đạt gần 112 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ

Lợi nhuận sau thuế đạt 6 tháng đầu năm 2016 của NTP đạt hơn 189,9 tỷ đồng, tăng 11,2% so với 6 tháng đầu năm 2015.

CTCP Nhựa Thiếu niên - Tiền Phong (mã NTP - HNX) đã công bố BCTC công ty mẹ quý II/2016, với doanh thu thuần đạt hơn 1.089 tỷ đồng, tăng 19,5% so với cùng kỳ năm trước. Kỳ này, giá vốn hàng bán của công ty chỉ tăng 18% nên lợi nhuận gộp tăng mạnh 22,7% và đạt hơn 356,9 tỷ đồng.

Doanh thu hoạt động tài chính quý II/2016 của NTP đạt hơn 46,7 tỷ đồng, giảm nhẹ khoảng 2% so với cùng kỳ, trong khi chi phí tài chính tăng 8,3% lên mức hơn 14 tỷ đồng. Chi phí bán hàng tăng 38,7% lên mức hơn 246,3 tỷ đồng. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 48,5% xuống mức hơn 16,6 tỷ đồng.

Kết quả, NTP lãi sau thuế quý II/2016 hơn 111,9 tỷ đồng, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ tiêu	Quý II/2016	Quý II/2015	% Tăng/giảm	6T2016	6T2015	% Tăng/ giảm
Doanh thu thuần	1,089.10	911.54	19.5%	1,828.02	1,501.60	21.7%
Giá vốn hàng bán	732.18	620.73	18.0%	1,239.32	1,052.58	17.7%
Lợi nhuận gộp	356.92	290.81	22.7%	588.70	449.02	31.1%
Doanh thu HĐTC	46.72	47.52	-1.7%	88.33	82.93	6.5%
Chi phí tài chính	14.09	13.01	8.3%	27.60	22.16	24.5%
Chi phí bán hàng	246.35	177.57	38.7%	364.31	256.71	41.9%
Chi phí QLDN	16.65	32.34	-48.5%	70.91	58.60	21.0%
Lợi nhuận khác	2.00	1.00	100.5%	1.51	1.35	12.0%
Lợi nhuận sau thuế	111.93	101.24	10.6%	189.91	170.84	11.2%

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2016, doanh thu thuần của công ty đạt hơn 1.828 tỷ đồng, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 189,9 tỷ đồng, tăng 11,2% so với 6 tháng đầu năm 2015.

Chính sách tiền tệ: Đi mắc núi, trở lại mắc sông?

Ngày 21/7, Ngân hàng Nhà nước công bố thông tin, chính thức chốt lại con số tăng trưởng tín dụng nửa đầu năm nay, cao hơn các mức ước tính trước đó.

Cụ thể, mức tăng tín dụng 6 tháng đầu năm nay lên tới 8,16%, cao hơn hẳn mức 6,82% cập nhật đến ngày 24/6.

Cùng với mức tăng trưởng cung tiền trên 8%, đà tăng tín dụng khá mạnh trên làm dấy lên quan ngại, bắt đầu xuất hiện gần đây.

Châm ngòi lạm phát?

Trung tuần tháng 10/2015, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR) thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội có bản báo cáo về kinh tế vĩ mô quý 3/2015. Điểm nổi bật mà một số tờ báo dẫn lại là cảnh báo “nguy cơ bùng nổ lạm phát từ tăng trưởng tín dụng nóng”.

Dữ liệu dẫn ra khi đó, đến tháng 9/2015, tổng dư nợ tín dụng tăng 10,78% so với đầu năm, cao hơn nhiều so với tốc độ 7% cùng kỳ 2014, là một điểm dẫn tới cảnh báo trên. Cùng đó là quan ngại tình trạng tốc độ huy động vốn của hệ thống ngân hàng thấp hơn tốc độ tăng trưởng tín dụng...

Đến nay, khi nhìn lại 6 tháng đầu năm 2016, một lần nữa chuyên gia của VEPR lại tiếp tục có cảnh báo về tình hình tăng tín dụng gây sức ép lạm phát với nguy cơ mào mống của sự bất ổn, cùng khuyến nghị Chính phủ nên thắt chặt bớt chính sách tiền tệ.

Thời gian gần đây, một số chuyên gia cũng đã bắt đầu lên tiếng cảnh báo, với tốc độ tăng trưởng tín dụng và cung tiền có dấu hiệu nới lỏng, có thể lại châm ngòi cho lạm phát cao quay trở lại.

Cảnh báo từ các tổ chức chuyên môn, các chuyên gia thường là kẻ vạch đối với nhà hoạch định và điều hành chính sách, so sánh, tham khảo và trong một số tình huống có thể để điều chỉnh hướng/nhịp đi. Với những cảnh báo trên, hiện thực nằm ở tương lai, yếu tố tiền tệ trong tác động tới lạm phát thường có độ trễ nhất định.

Lạm phát, từ đầu năm đến nay, các phân tích định kỳ của Tổng cục Thống kê tập trung các tác động ngoài yếu tố tiền tệ, nổi bật như giá các mặt hàng, dịch vụ trọng yếu, các sự cố môi trường và hạn mặn...

Nhưng nay, với những cảnh báo và quan ngại trên, ít nhất về mặt thông tin, yếu tố tiền tệ đối với lạm phát được chú ý như một điểm nóng.

Trong khi tương lai ở phía trước, thì có thể nhìn lại quá khứ những năm gần đây. Và thấy: chính sách

tiền tệ luôn ở tình thế trở đi mắc núi, trở lại mắc sông, nếu xét theo những cảnh báo song hành. Đại ý, nếu tín dụng tăng thấp thì vấp nhiều quan ngại, nếu tăng được thì gặp cảnh báo rủi ro.

Như chỉ vài năm trước, khi tín dụng nửa đầu năm thường tăng trưởng thấp, hàng loạt quan ngại, lo lắng từ nhiều tổ chức, chuyên gia từng đặt ra. Không khó để đọc lại nhiều dẫn giải “thấp thỏm”, “mất niềm tin”, “báo động”... về tín dụng tăng trưởng thấp.

Nay, nửa đầu năm, tín dụng tăng trưởng tốt, lại đến lượt những cảnh báo châm ngòi lạm phát, cảnh báo bùng nổ lạm phát vì tín dụng nói trên.

Cùng đó, việc Ngân hàng Nhà nước mua vào lượng lớn tăng dự trữ ngoại hối quốc gia, lại bị xem như tiêu cực với cung tiền đưa ra mua ngoại tệ, dù có các công cụ trung hòa bớt tác động; rồi tốc độ huy động vốn tăng cao hơn tín dụng lại bị đặt trong quan ngại tiền chui vào ngân hàng thay vì đi vào sản xuất kinh doanh...

Như trên, cảnh báo là chỉ vạch để nhà hoạch định và điều hành chính sách nhìn vào. Nhưng với các cảnh báo dường như mâu thuẫn, xoay chiều nhanh như trên, nếu cơ sở và lập trường điều hành chính sách tiền tệ không vững thì dễ ngã nghiêng, thậm chí lúng túng, hoặc thêm trở ngại nếu có hiệu ứng tâm lý thị trường.

“Lỗi cấu trúc”

Khi trao đổi với VnEconomy chiều 21/7 về những cảnh báo hiện nay, ông Nguyễn Đức Hưởng, Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Bưu điện Liên Việt (LienVietPostBank), nêu góc nhìn của mình rằng: cần gắn tốc độ tăng trưởng tín dụng hiện nay với thực tế nhu cầu và tình hình sức khỏe của các doanh nghiệp.

Ông Hưởng cho rằng, sau những năm rất khó khăn từ 2011 đến nay, “lửa đã thử vàng”, sức khỏe nhiều doanh nghiệp đã khẳng định hơn, đang khá lên khi vượt qua được giai đoạn thử thách. Mặt khác, giai đoạn thử thách đó cũng đã thanh lọc những cơ thể yếu kém.

“Vậy nên, nhìn chung, khi vượt qua được giai đoạn khó khăn những năm qua, hoạt động sản xuất kinh doanh dần phục hồi, nhu cầu tín dụng và điều kiện đảm bảo tiếp cận tín dụng cũng đã tốt hơn. Theo đó, tín dụng tăng khá cũng là cơ hội để tiếp sức thêm cho triển vọng phục hồi đó, dù phía trước vẫn còn nhiều khó khăn”, ông Hưởng nói.

Mặt khác, “lửa thử vàng” cũng được người trong cuộc này nhìn cả về phía các ngân hàng thương mại. Sau những rủi ro nợ xấu, thậm chí rủi ro pháp lý và thua lỗ hoặc lợi nhuận giảm sút, chính các ngân hàng thương mại cũng đã rút kinh nghiệm hơn trong quản lý và phát triển tín dụng hiện nay.

Và cả nhà điều hành, mối quan hệ tín dụng, cung tiền với lạm phát những năm trước cũng đã đúc kết thành những bài học đắt giá. Theo đó, ông Hưởng cho rằng, Ngân hàng Nhà nước đã tính toán thận

trọng với chỉ tiêu dự kiến tăng trưởng tín dụng năm nay khoảng 18-20%, có điều chỉnh tùy tình hình thực tế, và diễn biến nửa đầu năm nay phù hợp với chỉ tiêu đó.

Còn theo góc nhìn của một chuyên gia VnEconomy tham vấn, tình huống chính sách tiền tệ trở đi mắc núi, trở lại mắc sông với những cảnh báo trước đây và hiện nay như “nói hướng nào cũng được”, thì vấn đề nằm ở lỗi cấu trúc của nền kinh tế.

“Bản chất vấn đề nằm ở chỗ, các biện pháp nới lỏng chính sách hoặc kích thích kinh tế của ta có hiệu lực, hiệu quả thấp, thậm chí bị vô hiệu bởi lỗi cấu trúc của nền kinh tế, khác với xu thế các nước lớn hiện nay là duy trì và tăng cường các biện pháp kích thích. Kích cầu là câu chuyện ngắn hạn, còn sửa chữa cấu trúc là câu chuyện trung dài hạn”, chuyên gia trên nói.

Sửa chữa, có cấu phần tham gia của chính sách tiền tệ nói chung và tín dụng nói riêng. Như lái vốn đến các khu vực, các lĩnh vực nào và như thế nào để hiệu lực, để được sử dụng hiệu quả, ở góc độ nào đó còn quan trọng hơn là con số tăng trưởng.

Nguồn: dautuchungkhoan, Vneconomy, NDH

Báo cáo tổng hợp 6 tháng các DN

Mã CK	Vốn hóa thị trường (Marcap)	EPS	PE	PB	Doanh thu				Lợi nhuận			
					Doanh Thu Q2.2016	% DT Q2	Doanh Thu 6T 2016	% DT 6T	Lợi Nhuận Q2.2016	% LN Q2	LN 6T 2016	% LN 6T
AAM	108.30	287	44.52	0.43	64.3	-30.8%	134.1	-17.98%	0.7	150.7%	1.2	33.33%
ABT	554.17	4,722	9.57	1.31	117.1	1.3%	217.6	-4.35%	13.5	-21.2%	24.3	-35.20%
AMV	7.19	230	-57.52	0.66	2.0	15.4%	4.4	41.94%	0.0	104.3%	0.1	109.09%
BCE	234.00	1,182	7.73	0.70	263.5	247.3%	375.7	321.19%	8.6	150.1%	13.5	297.06%
BED	121.11	1,886	23.95	2.94	25.1	5.4%	33.8	8.68%	1.7	54.3%	2.3	53.33%
BPC	87.40	3,652	7.32	1.02	85.8	3.0%	165.6	19.14%	5.5	59.3%	9.2	80.39%
CCL	131.35	99	37.19	0.34	16.6	-2.8%	30.8	18.46%	0.9	68.0%	1.7	70.00%
CLC	858.30	8,413	7.84	2.35	433.3	8.4%	853.9	10.22%	21.4	3.6%	47.6	22.05%
CMC	22.81	-146	-34.30	0.42	6.9	363.1%	11.5	422.73%	1.8	420.0%	1.9	533.33%
CNG	1,050.29	4,381	8.99	2.62	231.8	-5.5%	438.5	-3.84%	36.9	4.3%	57.7	-0.35%
CSM	2,507.73	2,445	8.44	1.22	806.6	-35.8%	1,491.4	-23.34%	62.1	-41.3%	123.8	-22.77%
CVT	606.72	3,943	8.01	2.14	301.1	109.0%	464.1	56.42%	34.2	127.2%	59.2	116.85%
D11	45.43	95	80.73	0.61	31.6	113.1%	72.2	93.57%	0.1	-51.5%	0.3	-57.14%
DBC	2,808.32	5,360	10.91	1.19	1,591.7	6.2%	2,858.9	4.14%	199.3	274.7%	262.0	137.53%
DBT	168.63	3,264	6.69	1.38	142.2	1.9%	271.4	2.38%	6.0	-1.1%	12.2	31.18%
DC2	8.82	2,155	4.90	0.33	62.5	534.0%	104.0	404.85%	1.0	140.3%	1.2	130.77%
DCL	1,207.14	1,796	16.43	2.11	177.3	1.7%	355.6	11.79%	20.7	20.2%	41.1	37.92%
DHM	281.98	404	29.68	1.02	189.6	8.4%	318.0	6.53%	4.5	35.9%	6.6	78.38%
DIH	28.42	1,179	9.15	0.53	47.5	-5.6%	103.4	19.54%	0.4	262.4%	0.6	500.00%
DLR	45.45	63	-141.95	0.78	18.2	5.7%	27.9	-14.42%	-1.0	na	-3.5	na
DPC	78.75	1,229	35.63	2.10	21.2	-8.5%	35.8	-6.28%	1.0	122.5%	1.4	180.00%
DRC	4,918.01	3,446	11.83	2.37	887.8	-2.5%	1,633.8	-2.57%	110.0	-5.4%	198.3	-2.70%
DSN	803.52	6,375	10.98	4.18	64.5	3.3%	112.3	9.35%	33.4	13.0%	52.4	14.41%
DTA	38.00	160	23.69	0.36	9.9	-46.3%	13.8	-26.60%	0.0	-97.7%	0.1	
DXV	44.55	583	10.93	0.38	139.8	-22.1%	241.0	-19.83%	3.0	135.6%	4.4	76.00%
EBS	81.72	827	8.85	0.69	48.1	-11.1%	65.5	-2.96%	3.9	-8.6%	3.1	-18.42%
ECI	26.40	1,826	8.57	0.90	23.9	12.0%	32.0	17.22%	1.5	9.8%	1.8	20.00%
HAD	166.00	4,446	7.73	1.11	63.9	-10.0%	78.2	-7.13%	5.8	-38.8%	7.0	-33.96%
HAT	140.22	6,749	5.54	3.32	235.3	15.9%	291.7	13.68%	12.3	-25.6%	10.1	-38.79%
HEV	12.00	1,965	5.12	0.77	6.0	-4.1%	10.1	2.02%	0.6	-39.2%	1.0	11.11%
HGM	541.20	915	35.41	3.03	16.9	-41.6%	34.1	-32.87%	1.3	-77.5%	1.9	-83.62%
HHG	305.71	1,532	6.92	0.84	66.1	26.7%	115.4	14.03%	5.2	-30.7%	10.4	-8.77%
HJS	346.50	1,771	9.32	1.27	46.2	-6.2%	81.7	-0.49%	12.9	38.7%	19.0	30.14%
HRC	882.04	327	75.11	1.68	1.1	-85.3%	14.9	-56.81%	1.7	-69.5%	4.6	-83.09%
HTV	220.15	2,537	6.27	0.73	52.3	5.6%	98.2	0.82%	8.4	-18.0%	14.6	-7.59%
INC	10.00	723	9.55	0.39	6.3	94.1%	10.6	73.77%	0.5	329.5%	0.6	50.00%
KLS	2,004.75	-1,218	-78.52	0.95	27.1	-21.3%	65.5	2.66%	-157.8	na	-154.0	na
KSB	1,801.80	8,367	13.73	2.83	224.5	13.2%	404.7	11.36%	56.6	52.0%	89.9	38.95%
L10	143.91	3,137	4.69	0.62	416.0	31.6%	708.4	9.61%	10.1	21.5%	19.0	12.43%
L35	17.96	817	6.73	0.37	53.1	3.2%	107.3	10.96%	0.8	-7.4%	1.5	0.00%
LBE	14.47	2,070	7.52	0.72	29.0	23.1%	31.8	19.10%	0.9	68.0%	0.8	60.00%
LIX	2,089.80	6,092	11.26	2.78	488.8	14.3%	930.2	14.04%	46.6	34.1%	83.8	23.60%
LTC	27.52	476	12.60	0.32	19.1	-29.0%	46.7	-4.30%	0.2	78.3%	0.4	100.00%
MCF	113.60	1,399	11.19	0.97	120.7	17.7%	200.7	6.42%	3.3	46.6%	5.8	-12.12%
MHL	34.14	1,704	4.72	0.57	100.3	-25.3%	213.5	-8.96%	0.4	15.4%	3.3	135.71%
MKV	56.50	370	28.16	1.10	23.4	65.9%	37.1	29.72%	1.5	9.3%	0.0	-100.00%
NGC	17.20	1,463	8.35	0.80	51.9	-23.4%	107.6	-12.94%	0.7	538.5%	1.2	500.00%
NHA	186.76	1,273	13.05	1.41	40.8	24.3%	81.0	26.96%	4.2	12.0%	8.3	22.06%
NT2	9,742.76	4,264	10.18	1.91	1,564.0	-21.3%	2,951.2	-21.18%	376.8	216.6%	695.4	11.73%

Mã CK	Vốn hóa thị trường (Marcap)	EPS	PE	PB	Doanh thu				Lợi nhuận			
					Doanh Thu Q2.2016	% DT Q2	Doanh Thu 6T 2016	% DT 6T	Lợi Nhuận Q2.2016	% LN Q2	LN 6T 2016	% LN 6T
PDN	716.18	4,505	13.72	2.16	100.0	23.3%	186.4	20.57%	16.8	25.7%	30.8	17.56%
PIT	109.42	-575	-13.39	0.65	863.2	-20.4%	1,550.0	-24.74%	3.0	316.5%	5.1	37.84%
PMP	68.88	2,483	6.62	1.18	75.8	-10.6%	122.7	-17.98%	2.8	0.8%	4.7	-11.32%
PPI	222.14	864	5.33	0.39	190.4	-2.1%	278.0	-1.07%	4.5	-71.5%	16.6	-16.16%
PRC	16.80	1,880	7.45	0.61	37.0	-8.1%	68.1	-9.32%	0.8	39.2%	1.4	27.27%
PXA	25.50	31	97.44	0.55	5.8	-4.7%	12.8	1.59%	0.0	103.5%	0.0	100.00%
QHD	309.39	6,862	8.16	2.79	82.3	9.4%	158.6	10.91%	10.9	22.9%	22.1	54.55%
QST	16.20	1,590	9.33	0.99	29.8	25.2%	36.2	21.07%	0.5	256.7%	-0.7	0.00%
RDP	643.75	3,542	10.02	1.94	330.3	11.0%	583.2	9.95%	15.6	5.8%	32.5	14.84%
SAF	407.78	3,498	14.72	2.52	215.0	16.7%	450.3	22.00%	7.1	11.4%	15.3	14.18%
SAP	17.50	-1,193	-6.31	1.85	2.8	26756.1%	6.2	287.50%	0.0	na	0.0	na
SAV	88.23	-2,116	-4.11	0.39	131.9	7.1%	282.5	20.99%	-1.1	na	0.3	na
SBA	566.71	817	12.84	0.92	30.3	28.3%	52.9	-10.64%	2.6	202.3%	0.1	-96.15%
SC5	374.59	2,474	10.94	1.29	470.5	27.1%	840.1	40.96%	11.1	34.5%	20.7	6.70%
SCL	109.73	-1,035	-7.63	0.54	38.6	28.8%	67.7	-21.00%	5.2	144.2%	6.5	712.50%
SDG	117.00	2,963	6.64	1.13	99.4	22.7%	175.2	15.80%	10.9	17.9%	14.4	25.22%
SDN	51.32	4,697	7.29	1.49	39.4	8.7%	72.0	10.94%	2.4	4.1%	4.2	7.69%
SED	190.00	2,998	6.09	1.11	229.9	31.9%	278.1	10.80%	24.6	34.8%	25.6	34.03%
SFN	75.04	4,190	6.25	1.67	35.4	-12.4%	70.4	-7.37%	2.8	38.1%	6.0	93.55%
SGH	89.02	1,516	20.80	1.63	9.4	9.9%	18.4	8.24%	1.6	204.8%	2.9	81.25%
SHP	1,780.49	1,272	13.39	1.74	94.5	-15.9%	130.6	-28.36%	1.2	-92.2%	-53.2	-582.05%
SJD	1,264.98	3,492	7.78	1.16	89.3	0.6%	136.7	-13.81%	45.1	-4.3%	60.1	-23.15%
SKG	3,255.77	6,799	16.63	5.23	102.4	11.9%	189.1	21.92%	64.9	19.4%	118.9	33.45%
SSM	87.08	2,410	6.90	1.07	38.1	-55.3%	43.6	-61.62%	2.2	-24.5%	2.8	-39.13%
STC	129.17	2,630	9.21	1.34	123.9	27.7%	155.0	19.78%	4.7	23.4%	6.2	16.98%
SVI	518.73	5,503	7.42	1.62	324.9	5.3%	647.1	6.06%	16.9	3.7%	32.5	4.17%
SVN	75.60	638	5.65	0.34	39.0	867.7%	69.7	649.46%	1.6	450.1%	7.4	3800.00%
SZL	445.68	2,637	9.29	1.18	93.1	84.2%	144.0	57.03%	37.0	170.6%	49.8	104.94%
TAC	1,034.42	3,742	14.56	2.20	905.7	10.4%	1,883.9	7.94%	17.0	-0.1%	37.8	3.56%
TAG	2,034.61	908	103.04	7.18	1,093.9	34.9%	2,240.7	33.95%	9.5	41.5%	18.6	75.47%
TBC	1,460.50	1,636	13.34	1.73	76.6	-13.1%	139.1	-12.74%	43.6	-11.3%	73.7	-13.40%
TBX	15.10	662	10.76	0.69	15.2	-15.7%	33.0	-10.81%	0.2	-71.2%	0.3	-62.50%
TCO	197.53	2,021	7.88	0.95	40.1	-7.9%	75.9	-8.88%	12.3	112.9%	16.3	29.37%
TCT	703.34	5,293	10.45	2.73	19.3	-42.0%	109.3	-6.26%	7.1	5.8%	63.4	17.41%
TDW	264.35	2,482	15.86	2.03	163.4	26.6%	307.3	22.43%	7.1	166.0%	3.8	-55.81%
TET	119.76	1,318	19.26	1.65	9.8	-6.1%	20.6	3.00%	1.4	1106.5%	3.7	-62.63%
THT	157.24	803	7.97	0.33	537.6	-9.4%	1,093.0	-3.70%	3.6	14.0%	7.1	-21.11%
TJC	85.14	1,522	6.50	0.65	43.0	-17.6%	85.6	-11.30%	4.0	3.2%	7.8	5.41%
TMC	173.60	1,282	6.88	0.96	501.0	-27.8%	948.5	-22.58%	4.5	-67.7%	8.7	-55.15%
TNA	551.43	7,047	8.02	1.50	814.8	50.2%	1,660.9	64.20%	22.7	106.4%	52.8	108.70%
TNC	173.25	1,138	25.81	0.61	12.0	-51.4%	26.5	-33.58%	18.0	537.2%	19.3	132.53%
TPP	171.59	2,622	9.91	1.69	140.9	-41.4%	276.3	-33.47%	11.8	107.9%	16.7	68.69%
TSB	60.71	416	21.65	1.05	52.4	25.8%	103.0	16.65%	2.0	249.0%	3.0	114.29%
UIC	203.20	3,543	7.26	1.07	606.8	19.5%	1,076.2	17.18%	7.5	4.8%	16.2	-1.82%
UNI	116.40	504	12.50	0.75	8.7	-53.4%	15.4	-42.54%	0.2	-89.9%	0.3	-95.24%
V12	58.18	1,321	8.35	0.62	131.4	29.0%	200.9	-20.69%	2.8	34.4%	4.3	-21.82%
VE9	101.44	-925	-8.46	0.74	8.0	-71.4%	32.4	-43.06%	0.1	-85.5%	-2.3	-291.67%
VIS	556.19	143	58.60	0.94	643.7	-23.7%	1,303.6	-16.70%	0.6	-80.7%	22.4	161.37%
VXB	43.32	1,401	7.51	0.72	45.2	-11.8%	83.6	7.87%	0.9	-9.4%	1.4	-12.50%
WCS	412.50	21,523	8.22	2.26	30.0	11.6%	59.4	11.03%	14.9	32.1%	28.6	23.81%

Tin giao dịch nội bộ, cổ tức**Giao dịch cổ đông nội bộ**

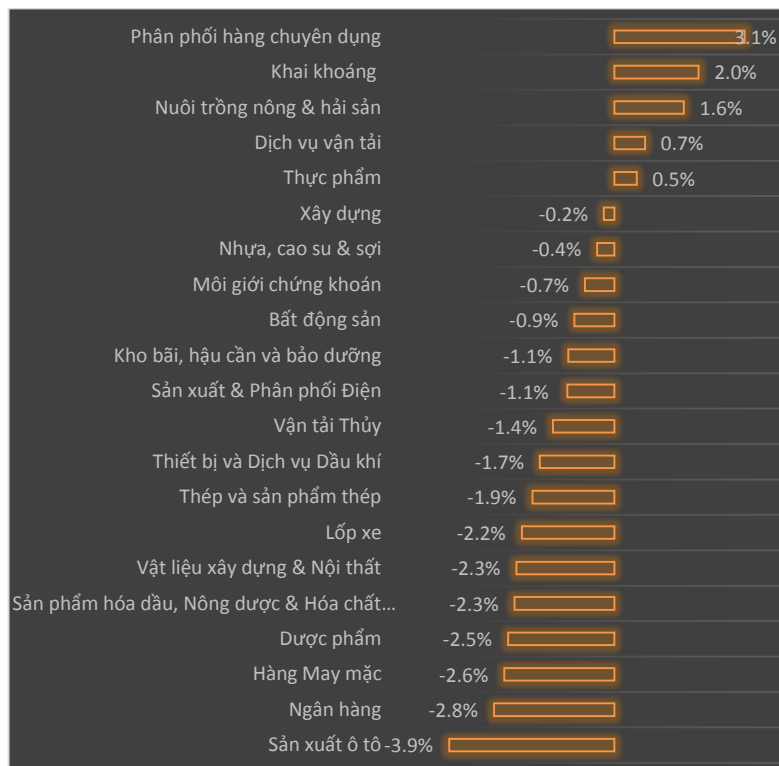
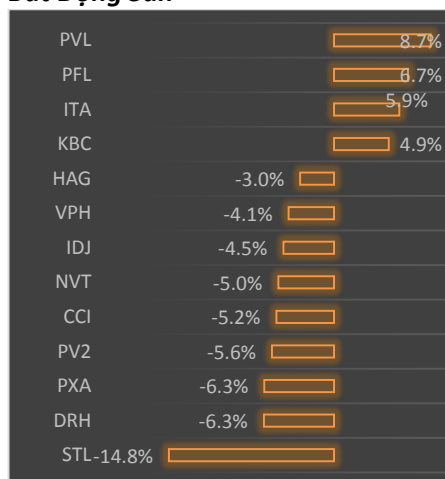
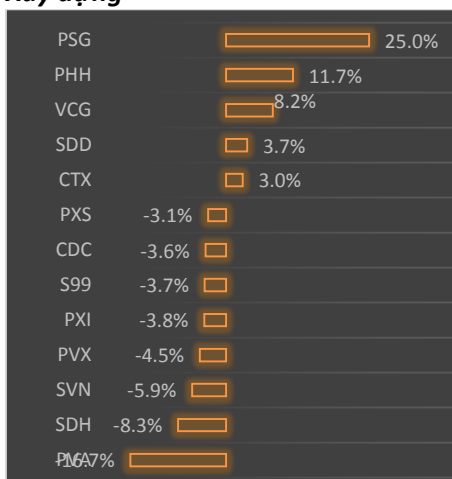
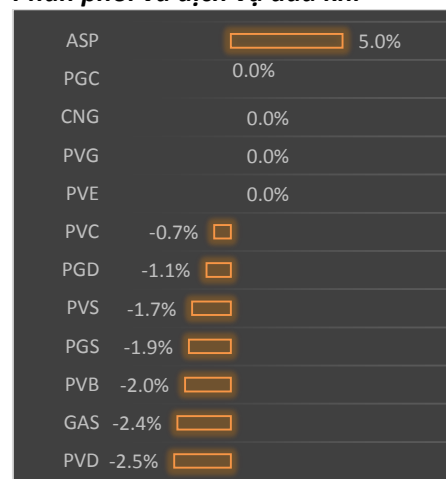
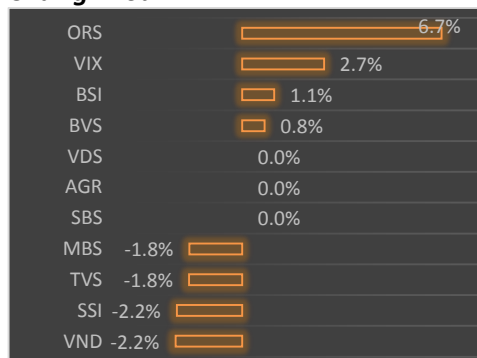
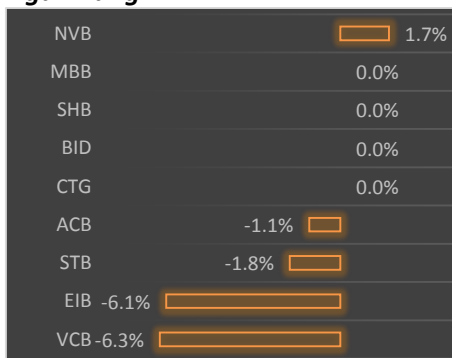
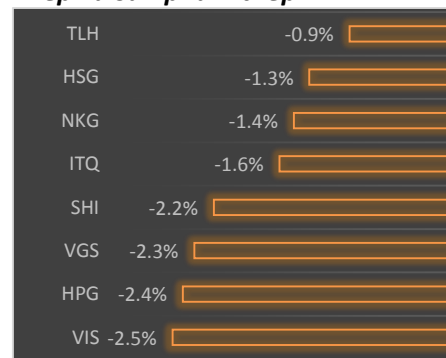
22/07/2016 NAV: Em ông Tôn Thất Mạnh - TGD đã bán 92.000 cp
22/07/2016 NAV: Vợ ông Tôn Thất Mạnh - TGD đã mua 92.000 cp
22/07/2016 HTV: Peter Eric Dennis đã mua 10.000 cp và trở thành CĐL từ 21.7.2016
22/07/2016 NLG: Con ông Nguyễn Xuân Quang - CT.HĐQT đã mua 200.000 cp
22/07/2016 DXG: Norges Bank đã mua 470.000 cp
21/07/2016 NHP: Ông Lê Xuân Nghĩa - Chủ tịch HĐQT đăng ký bán 1.000.000 CP
21/07/2016 NHP: Chị của bà Phạm Thị Thủy - TGD đã bán 42.000 CP
21/07/2016 DP3: Bà Nguyễn Thị Tần - Thành viên BKS đăng ký bán 7.500 CP
21/07/2016 NHP: Bà Phạm Thị Thủy - TGD đã mua 20.700 CP
21/07/2016 CJC: Bà Phan Huỳnh Tuyết Trinh - Người phụ trách kế toán đăng ký bán 1.500 CP

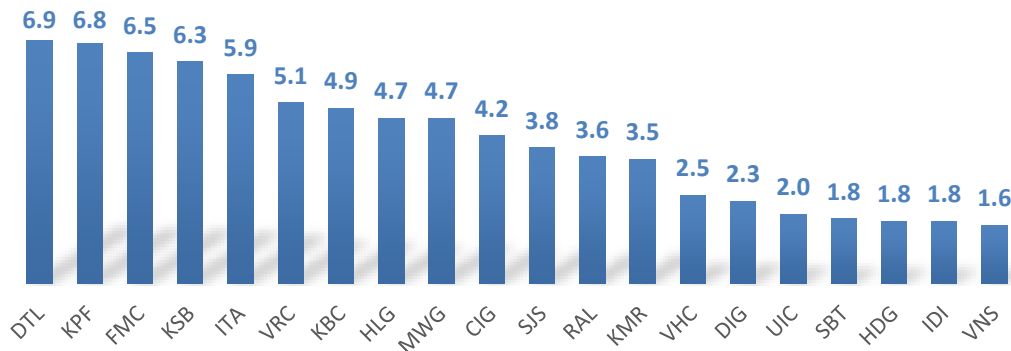
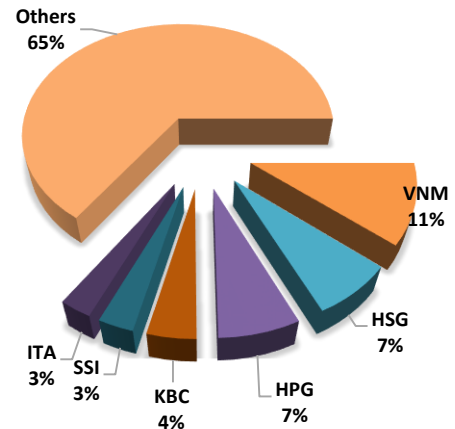
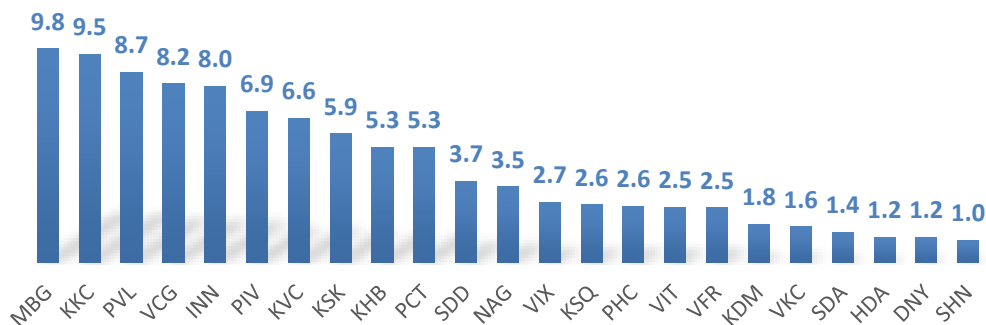
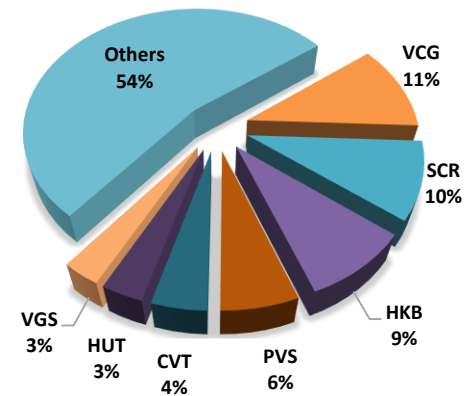
Trả cổ tức

21/07/2016 Lịch chốt quyền nhận cổ tức bằng tiền của 9 doanh nghiệp
21/07/2016 Vinamilk sắp chi 4.800 tỷ đồng tạm ứng cổ tức đợt 1/2016 tỷ lệ 40%
21/07/2016 TET: 27/07/2016, ngày GDKHQ trả cổ tức bằng tiền năm 2016 (Tỷ lệ 7%)
21/07/2016 DXP: 28/07/2016, ngày GDKHQ trả cổ tức bằng cp (Tỷ lệ 2:1), trả cổ phiếu thưởng (Tỷ lệ 2:3)
21/07/2016 DL1: 28/07/2016, ngày GDKHQ trả cổ tức bằng cp (Tỷ lệ 5,5%), trả cổ phiếu thưởng (Tỷ lệ 5,5%)
21/07/2016 NHP: 27/07/2016, ngày GDKHQ trả cổ tức bằng cp (Tỷ lệ 3,5%), bán ưu đãi (Tỷ lệ 1,74554:1)
21/07/2016 VNM: Nghị quyết HĐQT v/v tạm ứng cổ tức đợt 1/2016, phát hành và niêm yết cổ phiếu để tăng vốn cổ phần
20/07/2016 APP: 27/07/2016, ngày GDKHQ trả cổ phiếu thưởng (Tỷ lệ 100:6)

Giao dịch CP quỹ - tăng vốn

22/07/2016 SPB: Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch 5.000.000 cổ phiếu
22/07/2016 KSV: Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch 200.000.000 cổ phiếu
22/07/2016 DRC: 28.7.2016, giao dịch 27.412.602 cp niêm yết bổ sung
21/07/2016 VE9: Thay đổi số lượng có quyền biểu quyết đang lưu hành 12.523.613 cp
21/07/2016 Vinamilk sắp chi 4.800 tỷ đồng tạm ứng cổ tức đợt 1/2016 tỷ lệ 40%
21/07/2016 CTI: Định chính số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành là 42.999.997 cp
21/07/2016 CII: Thông báo thay đổi phương án giao dịch mua lại cổ phiếu quỹ
21/07/2016 NLS: 29/07/2016, ngày giao dịch đầu tiên đăng ký 5.009.800 cp
21/07/2016 MAC: 27/07/2016, ngày giao dịch 1.310.307 cổ phiếu niêm yết bổ sung

Thống kê biến động ngành trong ngày

Bất Động Sản

Xây dựng

Phân phối và dịch vụ dầu khí

Chứng khoán

Ngân hàng

Thép và sản phẩm thép


Thống kê cổ phiếu tăng giá
Top CP tăng giá-HOSE

Top giá trị giao dịch HOSE

Top CP tăng giá-HNX

Top giá trị giao dịch HNX


Chúng tôi chỉ sử dụng trong báo cáo này những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư. Tài liệu này sẽ không được coi là một hình thức chào bán hoặc lôi kéo khách hàng đầu tư vào bất kì cổ phiếu nào. Công ty SBS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. SBS sẽ không chịu trách nhiệm với bất kì thông tin nào không nằm trong phạm vi báo cáo này. Nhà đầu tư phải cân nhắc kĩ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và SBS hoàn toàn không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó. Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp và sẽ không được công bố rộng rãi trên các phương tiện truyền thông, nghiêm cấm bất kì sự sao chép và phân phối lại đối với tài liệu này.

Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn Thương Tín (Hội sở)

278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3 TP HCM Việt Nam

Tel: +84 (8) 6268 6868 Fax: +84 (8) 6255 5957 www.sbssc.com.vn

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Tel: +84 (8) 6268 6868 (Ext: 8769)

Email: sbs.research@sbssc.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 6-7, 88 Lý Thường Kiệt Quận Hoàn Kiếm Hà
Nội Việt Nam

Điện thoại: +84 (4) 3942 8076

Fax: +84 (8) 3942 8075

Chi nhánh Sài Gòn

Lầu 6 - số 177-179-181 Nguyễn Thái Học, P.Phạm
Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (08) 38 38 65 65

Fax: (08) 38 38 64 16